

Phát triển công nghiệp phụ trợ ngành dệt may Việt Nam

NGUYỄN NGỌC SƠN

Dệt may là một trong những ngành công nghiệp ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Trong những năm qua, ngành luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hai con số, đóng góp 8% vào GDP và trở thành một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp trên 16% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Tuy nhiên, đằng sau kết quả tăng trưởng cao trong nhiều năm qua, ngành dệt may Việt Nam đã và đang gặp nhiều vấn đề cần khắc phục như: chất lượng tăng trưởng thấp, mất cân đối giữa hai lĩnh vực dệt và may. Ngành dệt may hiện nay đang phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu nguồn nguyên phụ liệu, các loại xơ - sợi tổng hợp và máy móc thiết bị, do công nghiệp phụ trợ dệt may trong nước chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu của ngành. Thực tế cho thấy, chính sự yếu kém của công nghiệp phụ trợ dệt may là nguyên nhân khiến cho ngành dệt may Việt Nam không thể chủ động trong quá trình tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của ngành, mà chỉ là nơi gia công sản phẩm cho các nước khác, đồng thời làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam từ nay đến năm 2020 là nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, từng bước đưa ngành dệt may thoát khỏi tình trạng gia công sản xuất và giữ vững vai trò là ngành trọng điểm, mũi nhọn về xuất khẩu, góp phần tăng trưởng kinh tế. Để đạt được mục tiêu trên, vấn đề hàng đầu cần phải giải quyết đối với ngành là phát triển công nghiệp phụ trợ.

1. Quan điểm về công nghiệp phụ trợ và công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

1.1. Các quan điểm về công nghiệp phụ trợ trên thế giới

Mặc dù khái niệm "công nghiệp phụ trợ" được sử dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên vẫn chưa có một khái niệm chung nào cho tất cả các nước. Ở các nước khác nhau có những khái niệm công nghiệp phụ trợ khác nhau, phụ thuộc vào mục đích nghiên cứu và sử dụng.

- Ở Nhật Bản: thuật ngữ công nghiệp phụ trợ xuất hiện lần đầu tiên vào giữa những năm 1980 trong Chương trình Phát triển công nghiệp hỗ trợ Châu Á; công nghiệp phụ trợ được định nghĩa là "*các ngành công nghiệp cung cấp những gì cần thiết, như nguyên vật liệu thô, linh phụ kiện và hàng hóa tư bản, cho các ngành công nghiệp lắp ráp*"¹.

- Ở Thái Lan, công nghiệp phụ trợ được coi là "*ngành trong đó các doanh nghiệp sản xuất linh phụ kiện được sử dụng trong các công đoạn lắp ráp cuối cùng của các ngành công nghiệp sản xuất ô tô, máy móc, và điện tử*..."².

- Tại Hoa Kỳ, công nghiệp phụ trợ được hiểu là "*những ngành công nghiệp cung cấp nguyên liệu và quy trình cần thiết để sản xuất ra sản phẩm trước khi chúng được đưa ra thị trường*"³.

Nguyễn Ngọc Sơn, TS, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

1. Theo "Hiệp hội các doanh nghiệp hải ngoại Nhật Bản", 1994:19

2. Theo "Ratana, 1999:2"

3. Ichikawa, K, 2005:1.

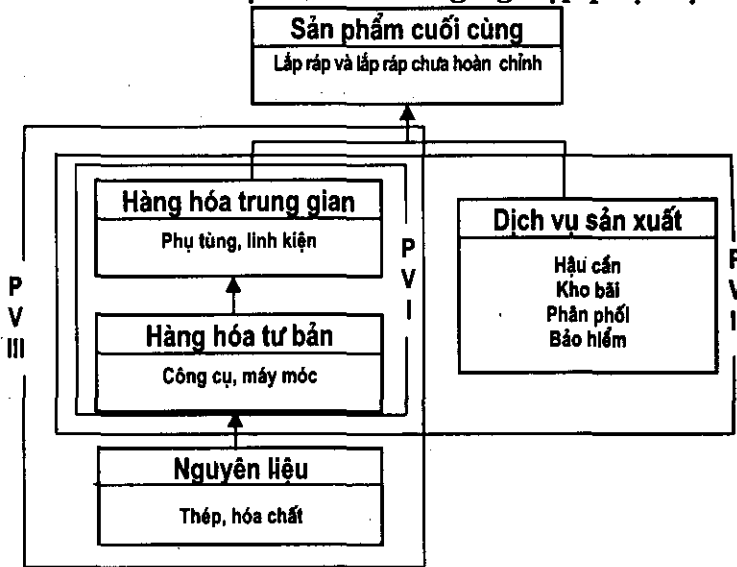
Công nghiệp phụ trợ có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc theo nghĩa hẹp tùy thuộc vào người sử dụng. Với mỗi khái niệm sẽ xác định một phạm vi tương ứng cho ngành công nghiệp phụ trợ. Hình 1 minh họa các khái niệm về công nghiệp phụ trợ và các phạm vi tương ứng của nó theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Khái niệm hạt nhân, dẫn đến phạm vi hẹp nhất - phạm vi I, chỉ rõ công nghiệp phụ trợ là những ngành cung cấp hàng hóa trung gian và các công cụ, máy móc sản xuất ra các hàng hóa trung gian đó. Hai phạm vi rộng hơn, một tương ứng với khái niệm công nghiệp phụ trợ là ngành công nghiệp cung cấp các hàng hóa trung gian, các công cụ, máy móc để sản xuất hàng hóa trung gian này và các dịch vụ sản xuất như hậu cần, kho bãi, phân phối và bảo hiểm - phạm vi II; một tương ứng với định nghĩa công nghiệp

phụ trợ là các ngành công nghiệp cung cấp toàn bộ đầu vào vật chất, gồm các hàng hóa trung gian, các hàng hóa tư bản và nguyên vật liệu để sản xuất ra các hàng hóa tư bản đó - phạm vi III (Kenichi Ohno, 2007, tr 38).

1.2. Quan niệm về công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam

Ở Việt Nam, việc tiếp nhận khái niệm công nghiệp phụ trợ tương đối muộn hơn. Hiện nay khái niệm *công nghiệp phụ trợ* (CNPT) được hiểu là các ngành sản xuất nền tảng của công nghiệp chính yếu. Nó bắt đầu từ việc sản xuất nguyên vật liệu đến gia công chế tạo các sản phẩm phụ tùng, linh kiện, phụ liệu, bao bì, nhãn mác... bằng các công nghệ chuyên môn hóa sâu cho ngành sản xuất các sản phẩm thuộc công cụ, tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.

Hình1: Phạm vi của công nghiệp phụ trợ



Ghi chú: PV - Phạm vi

Nguồn: Kenichi Ohno, Xây dựng công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam, 2007, Diễn đàn phát triển Việt Nam.

Như vậy, hệ thống công nghiệp phụ trợ là hệ thống các nhà sản xuất (sản phẩm) và công nghệ sản xuất có khả năng tích hợp theo chiều ngang, cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho khâu lắp ráp, sản xuất sản phẩm cuối cùng⁴. Khái niệm này trùng với khái niệm công nghiệp phụ trợ theo nghĩa hẹp như đã nêu ở trên. Trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay, với nguồn lực

còn hạn hẹp, nền móng công nghiệp chưa phát triển, dưới áp lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế, lựa chọn khái niệm với phạm vi hẹp nhất là phù hợp để huy động mọi nguồn lực cho sự phát triển của công nghiệp phụ trợ.

4. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp, 2005.

1.3. Khái niệm về công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

Dệt may là ngành công nghiệp đáp ứng các nhu cầu về sản phẩm tiêu dùng bao gồm các loại quần áo, chăn ga, gối đệm, các loại đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như: rèm cửa, vải bọc đồ dùng, khăn các loại... Mặt khác, sản phẩm của ngành dệt may cũng được sử dụng trong ngành kinh tế khác như: vải kỹ thuật dùng để lót đường, thi công đê điều, các loại vải làm bọc đệm ô tô, làm vật liệu lọc, vật liệu chống thấm...

Để có được một sản phẩm dệt may cuối cùng cần trải qua một quy trình sản xuất nhất định (xem hình 2). Ở mỗi giai đoạn khác nhau trong chuỗi giá trị ngành dệt may có các sản phẩm phụ trợ và công nghiệp phụ trợ khác nhau:

- Ở giai đoạn kéo sợi và dệt vải:

+ Nhóm các thiết bị cơ khí bao gồm máy xe và kéo sợi, các chi tiết như bánh răng, trục truyền động, suốt sắt kéo dài, các chi tiết dẫn sợi, nổi, cọc, khuyên, kiểm, khung go, dây go cho máy dệt, xe vận chuyển.

+ Nhóm các chi tiết không gia công cơ khí bao gồm vòng kéo dẫn, vỏ suốt cao su, các sản phẩm ống giấy, ống nhựa.

+ Nhóm các sản phẩm hóa chất bao gồm chất kết dính, chất tĩnh điện, chất giữ ẩm, chất ngấm, chất phân giải, sáp, các loại hóa chất dùng để hồ vải.

- Ở giai đoạn nhuộm, in hoa và hoàn tất:

+ Các loại thuốc nhuộm: chủ yếu là các sản phẩm hóa học hữu cơ mang màu và một số ít có nguồn gốc vô cơ.

+ Các loại chất trợ là loại chất làm cho chất lượng các sản phẩm được tăng lên hoặc tạo cho vật liệu những tính chất khác với bản chất ban đầu của chúng.

+ Các hóa chất cơ bản.

+ Các chế phẩm sinh học.

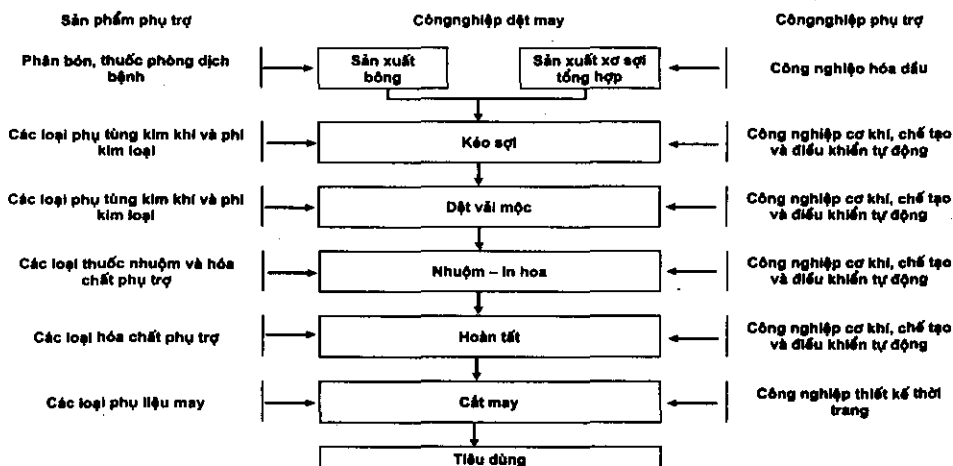
- Ở giai đoạn may mặc và thời trang:

+ Nhóm phụ liệu may là những chi tiết được kết hợp với vải chính tạo thành sản phẩm may mặc, gồm các nhóm sau: chỉ (chỉ may, chỉ thêu, chỉ đóng, các loại dây lồn...); bông tấm; khuy; cúc dập, oze, đinh rive các loại; nhãn mác (các loại nhãn mác, logo dệt, in...); mex, xốp (các loại mex dệt, không dệt và các loại xốp dựng có hoặc không keo dán...); khóa kéo các loại; các loại băng (băng chun, băng dính gai, các loại dây đai dệt...).

+ Nhóm phụ kiện bao gói là các vật liệu, bao bì sử dụng cho quá trình đóng gói, hoàn tất sản phẩm bao gồm các nhóm: các loại túi PE, PP và các loại mác áo, các loại bìa lót áo, giấy chống ẩm, khoanh cổ, nơ cổ và thùng caton sóng nhiều lớp; các loại ghim cài, kẹp nhựa...

+ Nhóm các loại gá lắp, phụ tùng bổ sung cho thiết bị may và dưỡng phục vụ trong công đoạn may.

Hình 2: Quy trình sản xuất và hoàn tất sản phẩm dệt may



Nguồn: Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp, Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020.

2. Thực trạng phát triển công nghiệp phụ trợ ngành dệt may Việt Nam

2.1. Ngành công nghiệp sản xuất xơ sợi tổng hợp

Tổng sản lượng sợi của Việt Nam mới chỉ đạt 170.000 tấn/năm, trong đó sợi bông trái thô và OE chiếm 40%, Pe/Co chiếm 36%, sợi bông trái kỹ chiếm 22% và các loại sợi khác là 2%. Khối lượng này chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu sử dụng của ngành dệt may. Điều đặc biệt là cho đến nay Việt Nam vẫn chưa thể tự sản xuất được các loại xơ - sợi tổng hợp (sợi nhân tạo) từ các sản phẩm hóa dầu. Ngành công nghiệp hóa dầu của Việt Nam mới ở giai đoạn đầu phát triển, tập trung chủ yếu ở khâu gia công các sản phẩm hóa dầu từ nguyên liệu nhập khẩu gần 100%. Một số đề án hóa dầu khác như sợi PES, PP, PS, LAB... đã đưa vào quy hoạch xây dựng nhưng đều dừng lại ở giai đoạn đàm phán, chưa triển khai được, trong khi đó nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm hóa dầu ngày một tăng. Đến năm 2009, khi Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ra đời thì sản phẩm polypropylen của nhà máy cũng chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu của cả nước.

Sản lượng sợi tổng hợp nhập khẩu trung bình hàng năm là 143.000 tấn, trong đó chủ yếu là sợi polyester là loại sợi có nhiều công dụng, dễ dàng sử dụng và có nhu cầu thương mại cao, chiếm tới 109.000 tấn/năm. Các loại xơ để sản xuất sợi cũng phải nhập khẩu với khối lượng lớn, như xơ polyester được nhập khẩu với sản lượng khoảng 40.000 tấn/năm.

Như vậy, có thể nhận thấy công nghiệp hóa dầu chưa phát triển nên các sản phẩm xơ, sợi tổng hợp cung cấp cho ngành dệt may hiện nay đều phải nhập khẩu tới gần 100%. Đây là một bất lợi lớn trong việc nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm dệt may Việt Nam trên thị trường.

2.2. Ngành công nghiệp cơ khí dệt may Việt Nam

Cơ khí công nghiệp nhẹ là lực lượng sản xuất hậu cần quan trọng, có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu phụ tùng và đổi mới thiết bị

trong các nhà máy công nghệ của ngành công nghiệp nhẹ. Hiện nay bên cạnh các xưởng cơ khí của các công ty dệt thuộc Tổng công ty Dệt may Việt Nam, làm nhiệm vụ sửa chữa, thay thế phụ tùng linh kiện còn có 4 doanh nghiệp cơ khí chuyên ngành phục vụ cho công nghiệp dệt may bao gồm Công ty Cơ khí dệt may Hưng Yên, Cơ khí may Gia Lâm, Cơ khí dệt may Nam Định và Cơ khí dệt may Thủ Đức.

Trong thời gian qua, các đơn vị này tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng giá trị sản xuất mỗi năm chỉ vào khoảng 9 triệu USD, tương đương gần 4000 tấn phụ tùng. Các phân xưởng cơ khí trong các nhà máy này chủ yếu giải quyết những phụ tùng đơn giản, khối lượng ít, phục vụ sửa chữa đột xuất và bảo toàn bảo dưỡng cho các thiết bị công nghệ. Còn những phụ tùng khó chế tạo khối lượng nhiều và các thiết bị lẻ phải do các nhà máy cơ khí chuyên ngành đảm nhiệm.

Nhìn chung năng lực sản xuất của các công ty cơ khí dệt may chưa phát huy hết công suất thiết kế ban đầu, bởi các lý do: dây chuyền sản xuất thiếu đồng bộ, lạc hậu, chất lượng thiết bị xuống cấp, độ chính xác thấp, mặt hàng bị hạn chế làm cho sức cạnh tranh của sản phẩm thấp. Ngoài ra trong cơ chế thị trường, các công ty cơ khí nói chung vẫn chưa tập trung đầu tư thích đáng, công tác tiếp thị xúc tiến bán hàng còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng sản phẩm không có đầu ra.

2.3. Ngành công nghiệp hóa chất phục vụ công nghệ nhuộm, in hoa và hoàn tất

2.3.1. Các loại thuốc nhuộm

Trong ngành dệt Việt Nam hiện nay, các sản phẩm từ bông vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất (48%), tiếp theo là các sản phẩm từ xơ tổng hợp, như: polyester (25%), nylon (9%), acrylic (7%), và các xơ biến tính khác. Các sản phẩm này đều rất đa dạng về mẫu mã, màu sắc. Để làm được điều này có sự đóng góp không nhỏ của công nghệ nhuộm và các loại thuốc nhuộm. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam,

công nghiệp sản xuất thuốc nhuộm phục vụ cho ngành dệt may chưa phát triển, chúng ta chưa tự sản xuất được các sản phẩm thuốc nhuộm hoặc sản xuất với giá thành rất cao nên 100% thuốc nhuộm sử dụng trong ngành dệt may đều phải nhập khẩu. Năm 2005, ngành

dệt may Việt Nam đã phải nhập đến 3.275 tấn thuốc nhuộm các loại (khoảng 419,25 tỷ đồng tương đương 31,1 triệu USD)⁵. Các loại thuốc nhuộm được nhập chủ yếu từ Nhật Bản, Thụy Sĩ, CHLB Đức, Nga, Séc, Hàn Quốc, Đài Loan và Trung Quốc (xem bảng 1).

BẢNG 1: Các loại thuốc nhuộm được sử dụng trong công nghiệp dệt ở Việt Nam

Nhóm thuốc nhuộm	Công dụng	Nước sản xuất
Thuốc nhuộm hoạt tính	Nhuộm cotton	Thụy sĩ, Đức, Trung Quốc, Đài Loan, Cộng hòa Séc
Thuốc nhuộm hoàn nguyên	Nhuộm cotton	Đức, Thụy Sĩ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc
Thuốc nhuộm trực tiếp	Nhuộm cotton	Mỹ, Đức, Thụy Sĩ, Nhật, Anh, Nga
Thuốc nhuộm lưu hóa	Nhuộm cotton, visco	Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Anh, Ba Lan
Thuốc nhuộm AZO	Nhuộm cotton	Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ
Thuốc nhuộm phân tán	Nhuộm polyeste	Trung Quốc, Thụy Sĩ, Ba Lan, Đức, Nhật Bản
Thuốc nhuộm ACID	Nhuộm len, nylon	Anh, Nhật Bản, Đức, Ấn Độ
PIGMENT	In hoa, nhuộm	Đức, Nhật Bản, Ba Lan, Cộng hòa Séc, Hungary.

Nguồn: Tổng công ty Hóa chất Việt Nam

2.3.2. Các loại chất trợ

Các loại chất trợ sử dụng trong ngành dệt may rất phong phú, đa dạng. Nhưng khả năng cung cấp của Việt Nam rất thấp, chỉ đáp ứng được khoảng 5% nhu cầu. Các loại

chất trợ do Việt Nam sản xuất gồm các loại hồ Anginat có nguồn gốc từ rong biển, một số chất giặt rửa thông thường như xà phòng, bột giặt là những sản phẩm có công nghệ sản xuất đơn giản, giá trị không cao.

BẢNG 2: Tình hình sản xuất chất trợ của Việt Nam năm 2005

	Nhu cầu sử dụng (tấn/năm)	Lượng sản xuất (tấn/năm)	Thành tiền		Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (%)	Tỷ lệ nhập khẩu
			Tỷ đồng	USD		
Chất trợ	7.062,5	353,125	17,66	1.117.484	5,00	95,00

Nguồn: Vụ Cơ khí, hóa chất và luyện kim, Bộ Công thương.

Theo số liệu thống kê, hiện nay có tới 95% các loại chất trợ Việt Nam phải nhập khẩu, đó là những sản phẩm có giá trị lớn, được sản xuất ở các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan và các nước trong EU. Trước nhu cầu ngày một tăng, một số doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã nhập khẩu các loại chất trợ có hàm lượng cao để pha chế và tiêu thụ tại thị trường trong nước chứ chưa có khả năng đầu tư tự sản xuất.

2.3.3. Các loại hóa chất cơ bản

Công nghiệp hóa chất Việt Nam là ngành có tốc độ tăng trưởng cao từ 15 – 20%, chiếm

khoảng 8% trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp. Riêng nhóm ngành hóa chất cơ bản là một lĩnh vực rất đa dạng và phong phú bao gồm những hóa chất làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất ra các loại hóa chất khác và được sử dụng trực tiếp trong một số ngành công nghiệp khác. Xút là hóa chất chủ yếu trong công nghệ sản xuất giấy, dệt, chất tẩy rửa.

Với vai trò quan trọng của nó đối với nền kinh tế quốc dân, nên trong những năm vừa

5. Vụ cơ khí, luyện kim và hóa chất, Bộ Công thương.

qua, Nhà nước ta đã bước đầu chú trọng đầu tư vào phát triển một số nhóm sản phẩm của ngành hóa chất. Vì vậy, hóa chất cơ bản

cung cấp cho ngành dệt may đã đáp ứng được một phần khá lớn nhu cầu sử dụng. (xem bảng 3).

BẢNG 3: Sản lượng một số sản phẩm hóa chất chủ yếu dùng trong ngành dệt may

STT	Sản phẩm	Sản lượng tấn/năm	Mức độ đáp ứng nhu cầu trong nước (%)	Công dụng trong ngành nhuộm hoàn tất
1	Phân đạm urê	800.000	50	Chất trợ nhuộm
2	Axit sunphuric	286.800	70	Tạo môi trường cho công nghệ nhuộm và xử lý nước thải
3	Axit photphoric	18.700	80	Xử lý nước cấp
4	Xút 100% NaOH	59.097	70-80	
5	Axit clohydric	36.200		Tạo môi trường cho công nghệ nhuộm
6	Natri silicat	40.500		Công nghệ tẩy vải
7	Phèn nhôm	22.100		Xử lý nước cấp
8	Bột giặt	151.958	100	Công nghệ giặt vải và SP may mặc
9	Kem giặt	116.829	100	Công nghệ giặt vải và SP may mặc
10	Muối ăn (NaCl)			Công nghệ nhuộm vải

Nguồn: Tổng công ty Hóa chất Việt Nam.

Trong 3 nhóm hóa chất và thuốc nhuộm cung cấp cho ngành dệt may, nhóm hóa chất cơ bản có tỷ lệ nội địa hóa cao nhất (trung bình khoảng 80%). Tính về giá trị chiếm khoảng 15 – 20% nhu cầu sử dụng của ngành dệt. Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng vẫn còn một số hạn chế làm cho hóa chất cơ bản của Việt Nam chưa được sử dụng nhiều trong ngành dệt:

Thứ nhất, chất lượng hóa chất của Việt Nam đang còn thấp. Ngành dệt sử dụng nhiều loại hóa chất có độ tinh khiết cao. Ví dụ muối ăn (NaCl) độ tinh khiết phải đạt 97-99%, muối ăn Việt Nam tuy nhiều nhưng lẫn nhiều tạp chất, nên không sử dụng được. Xút (NaOH) của Nhà máy Hóa chất Việt Trì hoặc Nhà máy Hóa chất Đồng Nai được sản xuất ở dạng lỏng có nồng độ từ 30-40 Be, khó vận chuyển và dự trữ nên cũng không được ưa dùng.

Thứ hai, giá cả hóa chất cơ bản của Việt Nam khá cao so với sử dụng hóa chất nhập khẩu từ 5 – 10%.

Ngành công nghiệp hóa chất của Việt Nam đã hình thành từ rất sớm, chủ yếu sử dụng công nghệ, thiết bị của Liên Xô và Trung Quốc từ những năm 1960 nên chất lượng sản phẩm thấp, chi phí cao, hiệu quả sử dụng nguyên liệu và năng lượng thấp và gây ô nhiễm môi trường.

Hiện nay cả nước có 1947 doanh nghiệp sản xuất hóa chất, bao gồm 88 doanh nghiệp nhà nước chiếm 4,52%, 1773 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, chiếm hơn 95%. Có thể thấy rằng, ngành dệt và nhuộm - in hoa - hoàn tất sử dụng lượng hóa chất, thuốc nhuộm khá lớn, chủng loại phong phú và hầu hết các loại hóa chất thuốc nhuộm này được sản xuất với công nghệ cao đòi hỏi có sự phát triển của nhiều ngành. Đây chính là những khó khăn mà ngành sản xuất hóa chất đang gặp phải trong thời gian qua. Bảng 4 thể hiện khả năng đáp ứng nhu cầu trong nước của ngành công nghiệp hóa chất, thuốc nhuộm dệt may năm vừa qua:

BẢNG 4: Tổng hợp tình hình sản xuất hóa chất, thuốc nhuộm ở Việt Nam hiện nay

Loại	Lượng SX trong nước (tấn/năm)	Thành tiền		Mức độ đáp ứng nhu cầu (%)	
		Tỷ đồng	USD	Nội địa	Nhập khẩu
Thuốc nhuộm	0,000	0,00	0,00	0,00	100,00
Chất trợ	353,125	17,66	1.117.484,20	5,00	95,00
Hóa chất cơ bản	1.989,375	29,84	188.8647,15	15,00	85,00
Tổng cộng	2.342,500	47,50	3.006.131,35		

Nguồn: Tổng công ty Hóa chất Việt Nam.

Với thiết bị cũ kỹ, công nghệ lạc hậu (từ những năm 1960), chậm đổi mới và thiếu đồng bộ, công nghiệp hóa chất phục vụ cho ngành dệt may chưa sản xuất được những sản phẩm đòi hỏi công nghệ cao. Toàn bộ thuốc nhuộm cho ngành dệt may đều phải nhập khẩu, tỷ lệ chất trợ và hóa chất cơ bản trong nước sản xuất cung cấp cho dệt may mới đáp ứng được từ 5 – 15% nhu cầu, nhưng hầu hết là những sản phẩm có giá trị thấp.

2.4. Tình hình sản xuất phụ liệu may

Hiện tại trong ngành may công nghiệp của Việt Nam, hình thức sản xuất gia công vẫn là chủ yếu, có đến 90% số doanh nghiệp tham gia sản xuất dưới hình thức này. Nguyên nhân chính là nước ta chưa chủ động được nguồn nguyên liệu chính, ngành công nghiệp sản xuất phụ liệu phục vụ cho ngành còn quá nhỏ bé, chưa đáp ứng kịp với sự phát triển tăng tốc về năng lực sản xuất của ngành may và yêu cầu biến động của thị trường.

2.4.1. Các cơ sở sản xuất phụ liệu may phân theo loại sản phẩm

Chỉ may: các cơ sở sản xuất chỉ may được tập trung chủ yếu ở miền Nam và miền Bắc. Miền Bắc có 2 cơ sở sản xuất chỉ may là Liên doanh Coats Tootal Phong Phú với công suất thiết kế 1500 tấn/năm và Nhà máy Chỉ khâu Hà Nội với công suất thiết kế 500 tấn/năm. Ở miền Nam cũng mới chỉ có 2 cơ sở

sản xuất là Công ty liên doanh Coats tootal Phong Phú tại TP. Hồ Chí Minh với công suất thiết kế 2000 tấn/năm và Công ty Toolong (Đài Loan) có công suất 200 tấn/năm.

Bông tấm: hiện nay cả nước mới chỉ có 5 công ty sản xuất bông tấm với tổng công suất thiết kế là 32 triệu yard/năm.

Mex dích: ở Việt Nam mới chỉ có 2 cơ sở sản xuất mex dích đặt ở phía Nam với công suất thiết kế 17 triệu yard/năm, đó là Công ty TNHH Công nghiệp Việt Nam ISA (100% vốn Hàn Quốc) công suất thiết kế 12 triệu yard/năm và Công ty liên doanh Việt Phát (liên doanh giữa Công ty May Việt Tiến và một công ty của Đài Loan) công suất thiết kế là 5 triệu yard/năm.

Cúc nhựa: các doanh nghiệp sản xuất cúc nhựa ở Việt Nam chủ yếu tập trung ở phía Nam như Công ty liên doanh sản xuất cúc nhựa Việt Thuận (liên doanh giữa Công ty May Việt Tiến và Công ty Mootsung Đài Loan) công suất thiết kế 152 triệu chiếc/năm, Công ty Đại Đô (Công ty 100% vốn của Nhật Bản) công suất thiết kế là 200 triệu chiếc/năm, Công ty Lý Minh (Công ty 100% vốn của Đài Loan), Công ty tư nhân Tuấn Hiền với công suất khoảng 100 triệu chiếc/năm và một số công ty nhỏ khác. Ở miền Bắc chỉ có Công ty Cúc nhựa Tiến Phong - Hải Phòng với dây chuyền sản xuất lạc hậu, do đó sản phẩm chủ yếu phục vụ cho quần áo bảo hộ lao động.

Khóa kéo: ở Việt Nam mới chỉ có 2 công ty, một đặt tại Nha Trang có công suất 30 triệu m/năm và cơ sở sản xuất khóa kéo YKK, 100% vốn Nhật Bản tại TP. Biên Hòa, công suất thiết kế là 35 triệu m/năm.

Nhãn mác dệt: phía Bắc có cơ sở dệt nhãn ở Triều Khúc – Hà Nội và cơ sở dệt nhãn của Công ty May 10 với năng lực sản xuất mỗi cơ sở khoảng 10 triệu nhãn/năm. Phía Nam có các cơ sở sản xuất sau: cơ sở dệt nhãn của Công ty Legamex TP. Hồ Chí Minh công suất 30 triệu nhãn/năm, cơ sở dệt nhãn của Công ty May Việt Tiến TP. Hồ Chí Minh, công suất 20 triệu nhãn/năm, cơ sở dệt nhãn của Công ty May Thành Công TP. Hồ Chí Minh với công suất 15 triệu nhãn/năm và cơ sở dệt nhãn của một số công ty nhỏ khác tại TP. Hồ Chí Minh với năng lực mỗi cơ sở khoảng 10 triệu nhãn/năm.

Bao bì: phía Bắc có Xí nghiệp Bao bì Hà Nội và một số cơ sở sản xuất hòm carton của các doanh nghiệp tự đầu tư như Công ty May 10, Công ty May Đức Giang. Ngoài ra còn có một số công ty nhựa sản xuất túi nylon, kẹp nhựa, đai nhựa đủ cung cấp cho nhu cầu của ngành may. Phía Nam có nhiều

xí nghiệp bao bì và một số cơ sở sản xuất hòm carton. Các công ty nhựa sản xuất túi nylon, kẹp nhựa, đai nhựa, khoanh nơ cổ bằng nylon cho áo sơ mi ở khu vực TP. Hồ Chí Minh và TP. Biên Hòa đủ cung cấp cho ngành may.

Các cơ sở sản xuất các loại phụ liệu khác: ở khu vực phía Nam, nhất là TP.HCM có khá nhiều cơ sở sản xuất phụ liệu may khác. Công ty Dệt Nha Trang sản xuất băng chun, Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Hưng, Công ty Dệt may Sài Gòn sản xuất các loại dây ren, Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Phát (100% vốn Đài Loan) sản xuất các loại chỉ màu... Đầu năm 2000 tại khu công nghiệp Tân Tạo, một doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư các loại dây luồn, dây đeo. Một số cơ sở nhựa sản xuất chốt chặn dùng cho áo Jacket.

Mặc dù trong những năm qua, Chính phủ đã quan tâm đến việc phát triển phụ liệu cho dệt may, nhưng mạng lưới các cơ sở sản xuất vẫn rất mỏng, phân bố không đều và sản xuất với quy mô nhỏ. Do đó, quy mô sản lượng các sản phẩm phụ liệu may sản xuất trong nước còn rất hạn chế.

BẢNG 5: Sản lượng các sản phẩm phụ trợ ngành may Việt Nam

Mặt hàng	Đơn vị tính	Công suất thiết kế	Sản lượng hiện tại
1. Chỉ khâu	Tấn/ năm	3.500	3.000
2. Bông tấm	Triệu yard/năm	33	33
3. Mex không dệt	Triệu yard/năm	12	10
4. Cúc nhựa	Triệu chiếc/năm	752	650
5. Khóa kéo	Triệu mét/năm	65	60
6. Nhãn	Triệu chiếc/năm	120	100
7. Băng chun	Triệu mét/năm	25	22

Nguồn: Vinatex.

Có thể thấy, tất cả các doanh nghiệp sản xuất các loại phụ liệu may trong nước đều không phát huy hết công suất thiết kế. Các sản phẩm Việt Nam có thể sản xuất là các sản phẩm đơn giản, giá trị thấp (như chỉ khâu, cúc nhựa), còn các sản phẩm có yêu

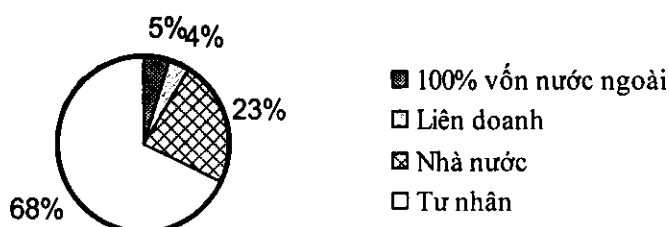
cầu công nghệ cao hơn mới sản xuất được với số lượng rất nhỏ (như mex không dệt, khóa kéo). Điều này đã hạn chế rất lớn khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước của ngành công nghiệp sản xuất phụ liệu may Việt Nam.

2.4.2. Các cơ sở sản xuất phụ liệu may phân theo chủ sở hữu

Trong ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm phụ liệu may, các doanh nghiệp 100%

nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài chiếm tỷ lệ rất nhỏ, còn chủ yếu là các doanh nghiệp nhà nước hoặc các cơ sở tư nhân (phần lớn là các cơ sở nhỏ và các làng nghề).

Hình 3: Cơ cấu doanh nghiệp sản xuất phụ liệu may



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của Bộ Công thương.

- Các cơ sở 100% vốn nước ngoài là các cơ sở có quy mô sản xuất lớn, công nghệ phức tạp, có vốn đầu tư lớn chủ yếu từ Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc. Hầu hết sản phẩm do các doanh nghiệp này sản xuất đều đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, một số doanh nghiệp đã có thể xuất khẩu ra nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay mới có 6 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (chiếm khoảng 5%) hoạt động tại Việt Nam, trong đó có một doanh nghiệp do Đài Loan đầu tư, sản phẩm sản xuất ra lại chuyển về Đài Loan.

- Các cơ sở liên doanh với nước ngoài chủ yếu là liên doanh giữa các doanh nghiệp dệt may với các công ty nước ngoài để chủ động

nguyên phụ liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước. Cho đến nay mới có được 5 cơ sở liên doanh với nước ngoài sản xuất chỉ may, bông tấm, cúc nhựa.

- Các cơ sở sản xuất phụ liệu thuộc sở hữu tư nhân thường có quy mô nhỏ, sản xuất các mặt hàng phụ liệu đơn giản không đòi hỏi công nghệ cao, sản lượng nhỏ, dễ dàng thay đổi mẫu mã khi có yêu cầu. Đây là khu vực chiếm tỷ lệ lớn nhất (68%) trong tổng số cơ sở tham gia sản xuất phụ liệu may.

Với mạng lưới cơ sở sản xuất như trên, các phụ liệu sản xuất trong nước đã đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu dùng của ngành may công nghiệp (xem bảng 6).

BẢNG 6: Tình hình cung cấp các sản phẩm phụ liệu may trong nước

Loại phụ liệu	Đơn vị đo	Nhu cầu	Sản xuất	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (%)	Nhập khẩu
1. Cúc nhựa	Triệu chiếc/năm	3215,15	765	24	2450,15
2. Mex không dệt	Triệu mét/năm	31,61	12	38	19,61
3. Mex dệt	Triệu mét/năm	30,02	0	0	30,02
4. Nhãn	Triệu chiếc/năm	822,15	120	15	702,15
5. Băng chun	Triệu mét/năm	590,46	25	4	565,46
6. Băng gai	Triệu mét/năm	42,16	0	0	42,16
7. Băng dệt	Triệu mét/năm	81,51	0	0	81,51
8. Khóa kéo	Triệu mét/năm	222,88	65	29	157,88

Nguồn: Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp, 2005.

Theo bảng 6 ta thấy khả năng đáp ứng nhu cầu phụ liệu may của các cơ sở may trong nước còn rất nhỏ. Đối với những mặt hàng đã sản xuất được thì khả năng cung cấp trong nước mới đạt từ 15 – 38%, riêng sản phẩm băng chun thì tỷ lệ này chỉ là 4%. Còn lại nhiều sản phẩm trong nước vẫn chưa có khả năng sản xuất như: các loại băng dệt, băng gai, các loại mex dệt.

3. Đánh giá chung về sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may

3.1. Một số kết quả đạt được

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành dệt may, ngành công nghiệp phụ trợ cho dệt may cũng đã đạt được những thành tựu nhất định.

Tuy còn nhỏ bé, nhưng ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam đã phần nào hình thành được nền tảng quan trọng ban đầu của một ngành công nghiệp phụ trợ. Đến nay, ngành đã có được những nền móng cơ bản cho sự phát triển, đặc biệt là trong ngành cơ khí dệt may, ngoài các xưởng cơ khí của các công ty dệt may, đã có 4 công ty chuyên ngành cơ khí dệt may làm hạt nhân cho sự phát triển của ngành này trong tương lai, hay trong công nghiệp sản xuất xơ sợi tổng hợp, tuy chưa thể tự sản xuất được nhưng chúng ta đã bước đầu có các dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện ... Đó là những cơ sở ban đầu cần thiết cho sự phát triển của công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam trong thời gian tới.

Trong thời gian qua, ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam cũng đã giải quyết được một phần nhu cầu sử dụng trong nước, góp phần đưa ngành dệt may Việt Nam từng bước thoát khỏi sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài, chủ động hơn trong sản xuất và xuất khẩu. Trong nhiều năm qua, mặc dù chưa nhận được nhiều sự quan tâm cần thiết, nhưng ngành công nghiệp phụ trợ dệt may với nỗ lực phát triển của mình đã có thể cung cấp sản phẩm cho ngành dệt may trong nước, với khả năng đáp ứng được khoảng 20 % nhu cầu phụ liệu may, 10 – 15% nhu cầu hóa chất thuốc nhuộm và khoảng

20% nhu cầu máy móc thiết bị. Đây là những tiền đề quan trọng thực hiện mục tiêu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và từng bước thoát khỏi tình trạng phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài của ngành dệt may trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, ngành công nghiệp phụ trợ dệt may đã bước đầu thu hút được các nhà đầu tư FDI, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất các phụ liệu phục vụ ngành may xuất khẩu. Cho đến nay ngành đã có 11 nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành, hình thành 5 công ty liên doanh và 6 doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt may vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế:

Thứ nhất, ngành công nghiệp phụ trợ dệt may còn quá nhỏ bé, số lượng doanh nghiệp ít, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Các sản phẩm sản xuất ra mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu nội địa (trong khi đó Trung Quốc và Ấn Độ đã tự giải quyết được 70-80% nhu cầu). Do đó, ngành dệt may Việt Nam phải nhập khẩu một khối lượng lớn các sản phẩm phụ trợ với gần 80% nhu cầu nguyên phụ liệu, 100% xơ sợi tổng hợp, 100% thuốc nhuộm, 60-70% nhu cầu máy móc thiết bị. Điều này đã làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam và hạn chế tính chủ động trong sản xuất của các doanh nghiệp dệt may, đồng thời dẫn đến một thực tế khác là tỷ lệ chi phí nhập khẩu sản phẩm phụ trợ so với giá trị xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam là rất lớn.

Thứ hai, ngành công nghiệp phụ trợ dệt may cũng chưa hình thành được các nhóm ngành sản xuất công nghệ cao như: ngành cơ khí chính xác, ngành công nghiệp hóa dầu và công nghiệp sản xuất thuốc nhuộm... Bên cạnh đó, hầu hết các cơ sở sản xuất hiện tại lại không phát huy được hiệu quả hoạt động và không khai thác hết công suất thiết kế. Đây chính là một nghịch lý trong điều kiện máy móc thiết bị vừa thiếu lại vừa yếu, trong khi

nhu cầu trong nước lại rất lớn.

Một hạn chế khác là những sản phẩm của công nghiệp phụ trợ dệt may trong nước sản xuất có khả năng cạnh tranh rất thấp do không đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về chất lượng và thời gian giao hàng, giá cả lại cao hơn các sản phẩm nhập khẩu cùng loại nên không được ưa dùng. Hơn nữa, các sản phẩm sản xuất được lại chủ yếu là những sản phẩm nhỏ lẻ, những bộ phận trong nhóm bán thành phẩm, có giá trị rất thấp. Vì thế phần lớn các sản phẩm phụ trợ dệt may vẫn phụ thuộc vào nước ngoài.

3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Có thể kết luận một số nguyên nhân chủ yếu sau đây đã dẫn đến những hạn chế của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam thời gian vừa qua:

Thứ nhất, hầu hết các doanh nghiệp công nghiệp Việt Nam còn chưa nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng của công nghiệp phụ trợ. Ở Việt Nam khái niệm về ngành công nghiệp phụ trợ mới được biết đến vài năm gần đây, cho nên các doanh nghiệp cũng chưa nhận thức hết được sự cần thiết của các ngành công nghiệp phụ trợ. Do đó ngành này chưa nhận được những quan tâm cần thiết để phát triển.

Thứ hai, do việc sản xuất các sản phẩm phụ trợ nói chung, sản phẩm phụ trợ dệt may nói riêng đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn hơn, lợi nhuận lại không cao, nên không hấp dẫn các nhà kinh doanh đầu tư vào lĩnh vực này.

Thứ ba, do trình độ máy móc, thiết bị của các nhà máy, đặc biệt là các nhà máy cơ khí, hóa chất đã lạc hậu, không được đổi mới nên không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp dệt may.

Thứ tư, hiện nay vẫn còn nhiều dự án đầu tư sản xuất mới chỉ dừng lại ở khâu đàm phán và chưa được đưa vào thực hiện.

Thứ năm, Nhà nước vẫn chưa có nhiều chính sách ưu đãi hấp dẫn nhằm khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân và các nhà

đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp phụ trợ cho ngành Dệt may.

4. Các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

4.1. Khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài vào công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

Các nước ASEAN đi trước đã thực hiện thu hút đầu tư nước ngoài có lựa chọn để hướng FDI vào công nghiệp phụ trợ. Họ thực hiện nhiều biện pháp khuyến khích về thuế, thiết lập các khu thương mại tự do nhằm thực hiện chiến lược định hướng xuất khẩu.

Việc thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển công nghiệp phụ trợ dệt may có ý nghĩa rất lớn, một mặt nó góp phần mở rộng quy mô của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, tức là mở rộng khả năng cung cấp sản phẩm phụ trợ dệt may nội địa, mặt khác quan trọng hơn đó là công nghệ tiên tiến và trình độ quản lý cao sẽ được chuyển giao vào trong nước, đây mới là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Chính phủ cần quan tâm hỗ trợ bằng các chính sách hữu hiệu về chuyển giao công nghệ, bảo vệ bản quyền, sở hữu trí tuệ...đồng thời, có nhiều chính sách ưu tiên khác, như: giảm mức đầu tư yêu cầu tối thiểu để thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp nhỏ và vừa từ nước ngoài (kinh nghiệm của Thái Lan); hoặc trợ cấp thuế đầu tư, gồm việc miễn thuế trong 5 năm và thuế doanh nghiệp áp ở mức 15-30% doanh thu như kinh nghiệm của Malaixia.

4.2. Tăng cường liên kết doanh nghiệp

Liên kết sản xuất kinh doanh diễn ra giữa các doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ, giữa nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ với doanh nghiệp sản xuất. Tham gia vào liên kết, các doanh nghiệp có thể chia sẻ nguồn lực phát triển, hỗ trợ sản xuất, và giảm thiểu chi phí so với khi doanh nghiệp sản xuất độc lập... Vì thế, phát triển liên kết doanh nghiệp được coi là một giải pháp quan trọng đã được nhiều nước sử dụng để thúc đẩy công nghiệp phụ trợ. Ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan

đã phát triển liên kết giữa các nhà sản xuất nhỏ với các doanh nghiệp lớn, còn ở Thái Lan, Malaixia lại nỗ lực thúc đẩy liên kết giữa nhà cung cấp trong nước với các công ty nước ngoài. Đối với Việt Nam, cần kết hợp nhiều liên kết để thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ dệt may phát triển.

Trong liên kết doanh nghiệp, các tổ chức hiệp hội chuyên ngành, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ có ảnh hưởng rất lớn. Do đó, để tổ chức có hiệu quả việc liên kết kinh doanh, trước hết cần củng cố và nâng cao vai trò hoạt động của các hiệp hội và tổ chức này.

Chính phủ chỉ nên đóng vai trò là chất xúc tác để tạo điều kiện và thúc đẩy liên kết doanh nghiệp, cụ thể: Chính phủ sẽ thúc đẩy các liên kết thông qua hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn quản lý và hỗ trợ tài chính. Khi đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI hoặc các nhà sản xuất đóng vai trò như các hạt nhân của liên kết sẽ tham gia liên kết vì nhận được các ưu tiên, hỗ trợ trên; còn các doanh nghiệp nhỏ, các doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp phụ trợ đóng vai trò như các vệ tinh trong hệ thống tham gia liên kết vì muốn nâng cao hiệu quả sản xuất, trình độ quản lý và đảm bảo thị trường tiêu thụ của mình.

4.3. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

Các ngành công nghiệp phụ trợ thường có yêu cầu cao về chất lượng lao động, vì thế các giải pháp về giáo dục đào tạo nghề, trình độ quản lý có ý nghĩa quan trọng và là động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp phụ trợ. Để có nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu cho công nghiệp phụ trợ Việt Nam cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, dạy nghề tối thiểu đạt mặt bằng khu vực.
- Mở rộng hình thức đào tạo tại chỗ, gắn kết việc đào tạo với việc sử dụng lao động.
- Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI tổ chức đào tạo lực lượng lao động cho mình và các doanh nghiệp khác.
- Liên kết với các đơn vị, các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước tổ chức các khóa

đào tạo các kỹ sư chuyên ngành, công nhân kỹ thuật bổ sung cho nguồn nhân lực hiện tại. Các doanh nghiệp và nhà trường cùng khuyến khích sinh viên theo học các ngành thuộc lĩnh vực phụ trợ dệt may.

- Các trung tâm đào tạo cần xây dựng các chương trình hợp tác với nước ngoài để đào tạo kỹ sư, công nhân lành nghề, đặc biệt là các kỹ sư, công nhân của ngành công nghiệp chế biến dầu khí (công nghiệp hóa dầu) và cơ khí, hóa chất.

- Một điểm rất yếu của các nhà sản xuất phụ trợ dệt may là khả năng tiếp cận thị trường và các nhà tiêu thụ, một phần do những hạn chế về marketing và kỹ năng bán hàng, vì thế cần cung cấp các khóa đào tạo về kỹ năng bán hàng, đào tạo các nhà marketing chuyên nghiệp.

4.4. Phát triển thị trường cho công nghiệp phụ trợ ngành dệt may

Thị trường là yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Mục tiêu phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may đến năm 2020 chỉ có ý nghĩa khi thị trường tiêu thụ của ngành được đảm bảo. Vì vậy, cần có những biện pháp phù hợp để phát triển thị trường tiêu thụ của các sản phẩm phụ trợ dệt may.

Trong giai đoạn từ nay đến 2015, công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam chưa thể tạo ra được thị trường xuất khẩu, do đó cần tập trung vào khai thác thị trường trong nước, đồng thời chuẩn bị những tiền đề cơ bản cho xuất khẩu ở giai đoạn tiếp theo. Để thực hiện được điều này cần có các giải pháp chủ yếu sau:

- *Đối với các doanh nghiệp:* phải nắm vững và xử lý tốt những yêu cầu của thị trường
- Một đặc điểm là các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ nói chung, công nghiệp phụ trợ dệt may của Việt Nam nói riêng ít được các nhà sản xuất, lắp ráp (đặc biệt là các nhà sản xuất nước ngoài) biết đến; mối liên hệ giữa các nhà cung cấp sản phẩm phụ trợ dệt may với các doanh nghiệp dệt may trong nước còn rất yếu. Vì thế, để đẩy mạnh tiêu thụ trong nước,

các doanh nghiệp phụ trợ dệt may cần bắt đầu từ những yếu tố liên quan đến xúc tiến thương mại, cụ thể:

- + Thành lập các trung tâm tiếp thị nhằm quảng bá hình ảnh doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho tìm kiếm thị trường và giao dịch với khách hàng, đồng thời làm cầu nối giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau.

- + Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm khách hàng và các mối liên kết ngang.

- + Tăng cường quan hệ để mở rộng bán hàng, nắm lấy một số nhà tiêu thụ lớn, thông qua việc tăng cường thiết lập các mối quan hệ tại các buổi triển lãm hàng phụ trợ dệt may hoặc tại các trung tâm tiếp thị, đồng thời với việc tận dụng các mối quan hệ cá nhân.

- Một yêu cầu rất quan trọng nữa đối với các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm phụ trợ dệt may là cần đảm bảo đúng tiến độ giao hàng và thời gian giao hàng cho các doanh nghiệp dệt may. Tránh tình trạng chậm trễ và sai thời hạn giao hàng, gây ảnh hưởng đến khả năng sản xuất và thực hiện hợp đồng từ các đơn hàng lớn của các doanh nghiệp dệt may.

- *Về phía Nhà nước, các bộ, ngành hữu quan:*

- Tạo điều kiện, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp dệt may trong nước sử dụng các sản phẩm phụ trợ nội địa, nhưng hạn chế sử dụng các biện pháp hành chính để điều tiết dung lượng thị trường nội địa.

- Có thể áp dụng mức thuế ưu đãi với các loại sản phẩm phụ trợ trong nước phục vụ cho các doanh nghiệp may xuất khẩu, để thúc đẩy các doanh nghiệp dệt may sử dụng nhiều hơn các sản phẩm có nguồn gốc nội địa.

- Trợ giúp về ngân sách ban đầu cho việc thành lập và hoạt động một số trang web chuyên ngành công nghiệp phụ trợ dệt may để hỗ trợ việc xúc tiến đầu tư - phát triển và cung cấp thông tin.

- Hỗ trợ kết nối giữa các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp FDI với các nhà cung cấp nội địa.

- Bảo vệ thị trường trong nước thông qua các biện pháp chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhập lậu.

4.5. Nâng cao trình độ công nghệ

Cũng như nhiều ngành công nghiệp khác, trình độ công nghệ có ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất, chất lượng và sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Thực tế, trình độ công nghệ của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may Việt Nam hiện nay còn ở mức thấp, năng lực quản lý không cao, vì thế chưa có khả năng sản xuất được những sản phẩm chất lượng cao, như các loại thuốc nhuộm, các loại xơ sợi tổng hợp, các máy móc thiết bị phức tạp... Do đó, muốn đẩy nhanh sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may, phải quan tâm rất lớn đến việc đổi mới công nghệ để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra những sản phẩm mới chất lượng cao, giá cả cạnh tranh.

Trước hết, có thể tiếp tục sử dụng các máy móc thiết bị vẫn còn khả năng sản xuất. Bởi trong những năm tới, chúng ta vẫn chưa có đủ nguồn vốn để có thể đầu tư mới đồng loạt các thiết bị công nghệ tiên tiến. Mặt khác, việc đào tạo cán bộ, công nhân để tiếp thu công nghệ mới và sử dụng có hiệu quả các thiết bị cũng cần có thời gian. Tất nhiên, việc đầu tư thiết bị công nghệ mới là tất yếu, nhưng nó sẽ được thực hiện từng bước, đồng thời với việc thanh lý các thiết bị công nghệ cũ.

Bên cạnh đó, đẩy nhanh đầu tư, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, nhằm đáp ứng những đòi hỏi của thị trường. Để làm được điều này, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp:

- Cần xây dựng cơ chế tài chính hợp lý hơn và đãi ngộ thỏa đáng đối với những người có năng lực thực hiện hoạt động công nghệ thực sự. Có cơ chế xây dựng, xét duyệt và đánh giá khách quan giá trị của các đề tài nghiên cứu khoa học, các công nghệ được chuyển giao.

- Hỗ trợ chi phí mua bản quyền cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển.

- Có những ưu đãi đặc biệt đối với các doanh nghiệp FDI có các dự án chuyển giao công nghệ và có cam kết phát triển một số doanh nghiệp nội địa phát triển công nghiệp phụ trợ. Khuyến khích chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất tại Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho việc định hướng phát triển và đổi mới công nghệ....

- Khuyến khích các tổ chức cung cấp và thông tin công nghệ để giúp các doanh nghiệp có cơ hội cập nhật thông tin công nghệ, lựa chọn và xác lập phương án đổi mới công nghệ phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường.

5. Kết luận

Ngành dệt may Việt Nam là ngành công nghiệp có vị trí và vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Năm 2007, một năm sau khi gia nhập WTO kim ngạch xuất khẩu dệt may đạt 7,78 tỷ USD. Kết quả của sự phát triển mạnh mẽ của ngành những năm gần đây được thể hiện qua sự nỗ lực phát triển của từng doanh nghiệp cũng như toàn ngành trong tăng trưởng giá trị sản xuất cũng như giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, nếu nhận diện ngành dệt may Việt Nam bằng chỉ tiêu giá trị gia tăng và một số chỉ tiêu cơ bản khác của hiệu quả kinh tế ngành, thì có thể khẳng định ngành vẫn còn chứa đựng nhiều vấn đề cần khắc phục, trong đó, sự yếu kém của ngành công nghiệp phụ trợ dệt may được coi là hạn chế lớn nhất đối với sự phát triển của ngành dệt may Việt Nam hiện nay.

Là ngành công nghiệp được xem là nền tảng cho sự phát triển của ngành dệt may, nhưng ngành công nghiệp phụ trợ dệt may còn quá nhỏ bé. Công nghệ hóa dầu chưa phát triển, cơ khí dệt may lạc hậu, công nghiệp sản xuất phụ liệu may nhỏ lẻ, manh mún chưa đáp ứng được nhu cầu của ngành. Vì thế, hầu hết các nguồn nguyên phụ liệu,

máy móc, thiết bị phục vụ cho dệt may đều phải nhập khẩu, biến ngành dệt may Việt Nam vô hình chung trở thành nơi gia công sản phẩm cho các nước. Thiếu nguồn đầu vào trong nước còn làm cho ngành dệt may Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào nhập khẩu, không chủ động được quá trình sản xuất, khả năng cạnh tranh kém, giá trị gia tăng thấp.

Theo kinh nghiệm của nhiều nước đi trước thì phát triển công nghiệp phụ trợ có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của ngành dệt may. Do đó, để tiếp tục phát triển ngành dệt may Việt Nam bền vững và hiệu quả, trong thời gian tới, cần thiết phải có những biện pháp phù hợp để phát triển ngành công nghiệp phụ trợ dệt may. Phát triển công nghiệp phụ trợ là cách thức để Việt Nam có thể gia tăng được năng lực cạnh tranh của các sản phẩm của mình trên thị trường quốc tế và nâng cao được giá trị Việt Nam trong các hàng hóa xuất khẩu trong điều kiện hội nhập WTO./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiệp hội Doanh nghiệp hải ngoại Nhật Bản (JOEA). (1994). *Nghiên cứu về công nghiệp hỗ trợ*. Tokyo:JOEA.
2. Ichikawa, K. (2005) *Building and strengthening supporting industries in Vietnam: A survey report (Xây dựng và đẩy mạnh công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam: Báo cáo điều tra)*. Hà Nội:JETRO.
3. Kenichi Ohno (2007), *Xây dựng công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam*, T. 1, diễn đàn phát triển Việt Nam.
4. Nguyễn Ngọc Sơn (2007). *Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu của ngành dệt may*. Tạp chí Kinh tế phát triển, số 123.
5. Ratana, E. (1999). *The role of small and medium supporting industries in Japan and Thailand (Vai trò của công nghiệp hỗ trợ vừa và nhỏ ở Việt Nam)*. Trung tâm nghiên cứu IDE APEC, Working Paper series 1998/1999. Tokyo.
6. Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công nghiệp, Bộ Công thương (2005), *Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020*.